CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0315205307, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS, S=Hồ Chí Minh, C=VN
Reason:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 11.03/2026/CV-SGI	*Tp.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) đã kiểm toán năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán : SGI
- Địa chỉ : 47 Đường số 17, Khu phố 6, Phường Hiệp Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (028) 3727 1140 Fax: (028) 3727 1143
- Email : info@saigon3group.com.vn Website: https://saigon3group.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC đã kiểm toán năm 2025

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/kiểm toán năm 2025):

☐ Có ☑ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chệnh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☑ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☑ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☑ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☑ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có ☑ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/03/2026 tại đường dẫn: https://saigon3group.com.vn/Quan hệ cổ đông/Bao cáo tài chính/.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS

Nguyễn Quốc Việt

Tài liệu đính kèm:
- *BCTC năm 2025.*
- *Văn bản giải trình.*

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4.	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	5 - 8
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	9
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10 - 11
7.	Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 27

****

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group) (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315205307 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 8 năm 2018 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 16 tháng 9 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : 47 Đường số 17, Khu phố 6, phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3727 1140
- Fax : +84 (028) 3727 1143

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Dịch vụ tư vấn về quản lý kỹ thuật may (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý);
- Sản xuất hàng may mặc;
- Bán buôn hàng may mặc, quần áo thời trang;
- Bán buôn máy móc, thiết bị, công nghệ và phụ tùng phục vụ cho sản xuất các mặt hàng ngành dệt may. Bán buôn thiết bị ngành may;
- Bán buôn nguyên phụ liệu ngành dệt may, các mặt hàng dệt may, nguyên phụ liệu may.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Khánh Linh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2026
Ông Nguyễn Đăng Khoa	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 2 năm 2026
Bà Nguyễn Ngọc Điệp	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 2 năm 2026
Ông Phạm Xuân Hồng	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 2 năm 2026

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Phạm Viết Lan Anh	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2024
Ông Lê Ngọc Hùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2024

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty là Ông Nguyễn Quốc Việt (tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2024).

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Khánh Linh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Quốc Việt	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2024

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Khánh Linh
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Số: 1.0912/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group) (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Chí Dũng	**Lê Hữu Tư**
Thành viên Ban Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2023-008-1	*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5940-2023-008-1*
Người được ủy quyền	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.620.613.492**	**1.277.816.049**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**1.431.766.324**	**1.099.478.520**
1. Tiền	111		631.766.324	1.099.478.520
2. Các khoản tương đương tiền	112		800.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**-**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**51.580.822**	**75.000.000**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		48.600.000	75.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.2	2.980.822	-
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**-**	**-**
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**137.266.346**	**103.337.529**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		412.500	375.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		136.853.846	102.962.529
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B-	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**1.216.458.724.175**	**977.448.294.164**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**-**	**-**
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**-**	**-**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
-	*Nguyên giá*	*222*		-	-
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		-	-
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
-	*Nguyên giá*	*225*		-	-
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
-	*Nguyên giá*	*228*		-	-
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		-	-
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**		**-**	**-**
-	Nguyên giá	231		-	-
-	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**-**	**-**
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**1.216.456.373.485**	**977.444.180.434**
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.4	1.207.268.687.308	923.180.960.157
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.4	71.500.989.000	111.355.958.169
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.4	(62.313.302.823)	(57.092.737.892)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**2.350.690**	**4.113.730**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		2.350.690	4.113.730
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.5	-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1.218.079.337.667**	**978.726.110.213**

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**271.984.043.834**	**90.449.056.715**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**271.984.043.834**	**90.449.056.715**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		9.600.000	3.500.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.6	15.400.000	1.465.394.031
4. Phải trả người lao động	314		-	15.300.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		120.000.000	108.500.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.7	11.339.043.834	78.236.362.684
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.8	260.500.000.000	10.620.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**-**	**-**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**946.095.293.833**	**888.277.053.498**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**946.095.293.833**	**888.277.053.498**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.9	754.647.000.000	754.647.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*754.647.000.000*	*754.647.000.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.9	191.448.293.833	133.630.053.498
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*133.630.053.498*	*133.630.053.498*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*57.818.240.335*	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**-**
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.218.079.337.667**	**978.726.110.213**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Phạm Thị Chang	Nguyễn Hoàng Tân	Nguyễn Quốc Việt
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	01		-	-
2.	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	10		-	-
4.	**Giá vốn hàng bán**	11		-	-
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	20		-	-
6.	**Doanh thu hoạt động tài chính**	21	VI.1	**77.612.278.119**	**66.833.766.252**
7.	**Chi phí tài chính**	22	VI.2	**18.958.266.847**	**37.211.747.428**
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.737.701.916	2.469.535.366
8.	**Chi phí bán hàng**	25		-	-
9.	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	26	VI.3	**835.770.937**	**343.563.995**
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	30		**57.818.240.335**	**29.278.454.829**
11.	**Thu nhập khác**	31		-	-
12.	**Chi phí khác**	32		-	-
13.	**Lợi nhuận khác**	40		-	-
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	50		**57.818.240.335**	**29.278.454.829**
15.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	51	V.6	-	**1.460.294.031**
16.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	60		**57.818.240.335**	**27.818.160.798**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	70	VI.4		
19.	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	71	VI.4		

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Phạm Thị Chang	Nguyễn Hoàng Tân	Nguyễn Quốc Việt
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***57.818.240.335***	***29.278.454.829***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		-	-
-	Các khoản dự phòng	03	V.4	5.220.564.931	34.742.212.062
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.1	(77.612.278.119)	(835.893.030)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.2	13.737.701.916	2.469.535.366
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***(835.770.937)***	***65.654.309.227***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.491.317)	(94.083.377)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		12.600.000	14.622.222
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.725.540	(1.469.185)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14	V.7, VI.2	(3.568.328.766)	(2.207.429.065)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.6	(1.460.294.031)	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.7	(1.608.000.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(7.465.559.511)***	***63.365.949.822***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	33.500.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.4	(244.232.757.982)	(111.355.958.169)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	450.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2, VI.1	77.609.297.297	1.852.738.575
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(166.623.460.685)***	***(75.553.219.594)***

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.8	482.400.000.000	153.510.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.8	(232.520.000.000)	(142.890.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.7	(75.458.692.000)	(2.785.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***174.421.308.000***	***10.617.214.500***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**332.287.804**	**(1.570.055.272)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**1.099.478.520**	**2.669.533.792**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**1.431.766.324**	**1.099.478.520**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Phạm Thị Chang	Nguyễn Hoàng Tân	Nguyễn Quốc Việt
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group) (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hỗ trợ dịch vụ tài chính.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	06 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	Hỗ trợ dịch vụ tài chính	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn	71/1 Quang Trung, phường An Hội Tây, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh hàng may mặc da	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3	47 Đường số 17, Khu phố 6, phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc; dịch vụ cho thuê văn phòng và đầu tư	99,76%	99,76%	99,76%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	181 Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, nguyên liệu dược, trang thiết bị y tế, vắc – xin, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm, mỹ phẩm, sữa, chất dinh dưỡng, kính đeo mắt; cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu và khai thuế hải quan; sửa chữa, bảo trì máy móc, trang thiết bị y tế; cho thuê kho và văn phòng	63,37%	63,37%	63,37%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con và công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con và công ty liên kết. Nếu công ty con và công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con và công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

6. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

7. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

8. Ghi nhận thu nhập

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

10. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	13.503.171	451.620.221
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	618.263.153	647.858.299
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	800.000.000	-
Cộng	**1.431.766.324**	**1.099.478.520**

2. Phải thu ngắn hạn khác

Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn.

3. Nợ quá hạn

Công ty không có các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc không có khả năng thu hồi.

4. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	***1.207.268.687.308***	***(62.313.302.823)***	***923.180.960.157***	***(43.698.067.830)***
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	646.881.152.869	-	646.881.152.869	-
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3	233.983.904.465	-	233.983.904.465	-
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn[(i)]	62.313.302.823	(62.313.302.823)	42.315.902.823	(43.698.067.830)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh [(ii)]	264.090.327.151	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	**71.500.989.000**	**-**	***111.355.958.169***	***(13.394.670.062)***
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh [(ii)]	-	-	111.355.958.169	(13.394.670.062)
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết [(iii)]	71.500.989.000	-	-	-
Cộng	**1.278.769.676.308**	**(62.313.302.823)**	**1.034.536.918.326**	**(57.092.737.892)**

(i) Trong năm Công ty đã mua thêm 1.999.740 cổ phiếu của Công ty Cổ phần May da Sài Gòn với giá mua theo mệnh giá là 19.997.400.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 13/2025/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 6 năm 2025. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.999.218 cổ phiếu, tương đương 99,99% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần May da Sài Gòn (số đầu năm là 3.999.478 cổ phiếu, tương đương 99,99% vốn điều lệ).

(ii) Ngày 02 tháng 01 năm 2025, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐQT về việc thực hiện và phương án chào mua công khai cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh với chi tiết như sau:

- Mã chứng khoán: YTC (đã đăng ký giao dịch tại UPCOM).
- Mối quan hệ: Công ty là cổ đông lớn nắm giữ 24,79% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh và Ông Nguyễn Khánh Linh là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời cũng là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số lượng cổ phiếu trước khi chào mua của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty và người có liên quan: 2.366.977 cổ phiếu có quyền biểu quyết tương đương 24,79% số cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh đang lưu hành;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến thực hiện chào mua: 2.897.923 cổ phiếu, tương đương 30,35% số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh đang lưu hành;
- Đối tượng chuyển nhượng: các cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;
- Loại cổ phiếu đăng ký chào mua: cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Giá chào mua: được tính dựa trên nguyên tắc xác định giá chào mua công khai theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 91 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ; Hội đồng quản trị ủy quyền cho Ông Nguyễn Quốc Việt – Tổng Giám đốc Công ty quyết định giá chào mua công khai dựa theo nguyên tắc trên và đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, Công ty gửi hồ sơ đăng ký chào mua công khai cổ phiếu YTC.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, Công ty đã có Công văn số 3105/2025/CV-SGI gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Báo cáo kết quả chào mua công khai cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty đã mua 2.897.367 cổ phiếu của 8 nhà đầu tư với giá mua 38.000 VND/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu YTC do Công ty nắm giữ sau khi chào mua là 5.264.344 cổ phiếu, tương ứng 55,15% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐQT về chủ trương tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh (mã chứng khoán: YTC) của Công ty từ 55,14% lên dưới 65% số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Số lượng cổ phiếu dự kiến nhận chuyển nhượng: 800.000 cổ phiếu. Đến ngày 21 tháng 8 năm 2025, Công ty đã mua 786.289 cổ phiếu YTC, số lượng cổ phiếu mà Công ty nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 6.050.633 cổ phiếu tương ứng 63,37% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh.

(iii) Công ty đã nhận chuyển nhượng 1.451.300 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/2025/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 3 năm 2025.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐQT về việc tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (mã chứng khoán: BBT) của Công ty và các công ty có liên quan từ 65,04% lên dưới 75% số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Đến ngày 24 tháng 7 năm 2025, Công ty đã mua 970.000 cổ phiếu BBT. Số lượng cổ phiếu mà Công ty và các công ty có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 7.344.379 cổ phiếu tương ứng 74,94% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết.

Ngày 02 tháng 10 năm 2025, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐQT thống nhất thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm Cổ phần Bông Bạch Tuyết, với tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1 (01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, 01 quyền được mua 01 cổ phiếu mới). Số lượng cổ phiếu Công ty hiện đang sở hữu tại ngày chào bán là 2.421.300 cổ phiếu chiếm 24,71% vốn điều lệ. Số lượng cổ phiếu Công ty được mua là 2.421.300 cổ phiếu, với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 4.842.600 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 24,61% trong tổng số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết đã phát hành.

Tình hình hoạt động của các công ty con
Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác
Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	57.092.737.892	22.350.525.830
Trích lập dự phòng trong năm	5.220.564.931	34.742.212.062
Số cuối năm	**62.313.302.823**	**57.092.737.892**

Giá trị hợp lý
Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết
Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital		
Lợi nhuận được chia	76.500.000.000	-
Thu tiền chia lợi nhuận	76.500.000.000	-
Vay	221.900.000.000	153.510.000.000
Trả nợ vay	232.520.000.000	142.890.000.000
Chi phí lãi vay	3.306.222.465	2.469.535.366
Trả lãi vay	3.568.328.766	2.207.429.065
Lãi cho vay	-	717.363.013
Thu lãi cho vay	-	1.807.260.273
Phí mua chứng khoán kinh doanh	-	103.969
Trả phí mua chứng khoán kinh doanh	-	103.969
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3		
Vay	260.500.000.000	-
Chi phí lãi vay	10.431.479.451	-
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn		
Góp vốn	19.997.400.000	-
Chi tiền góp vốn	19.997.400.000	-

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh		
Cổ tức được chia từ lợi nhuận trước ngày đầu tư	895.070.333	383.450.274
Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày đầu tư	157.798.467	-
Thu tiền chia cổ tức	1.052.868.800	383.450.274
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết		
Góp vốn	24.213.000.000	-
Chi tiền góp vốn	24.213.000.000	-
Cổ tức được chia từ lợi nhuận trước ngày đầu tư	1.210.650.000	-
Thu tiền chia cổ tức	1.210.650.000	-

5. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản chi phí trích trước chưa có hóa đơn	120.000.000	108.500.000
Lỗ tính thuế năm 2025	18.790.636.612	-
Cộng	**18.910.636.612**	**108.500.000**

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.460.294.031	-	(1.460.294.031)	-
Thuế thu nhập cá nhân	5.100.000	3.252.533.150	(3.242.233.150)	15.400.000
Thuế môn bài	-	103.000.000	(103.000.000)	-
Cộng	**1.465.394.031**	**3.355.533.150**	**(4.805.527.181)**	**15.400.000**

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	57.818.240.335	29.278.454.829
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	157.421.520	118.327.500
- Các khoản điều chỉnh giảm	(108.500.000)	(117.777.778)
Thu nhập chịu thuế	57.867.161.855	29.279.004.551
Thu nhập được miễn thuế	(76.657.798.467)	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	(21.977.534.394)
Thu nhập tính thuế	(18.790.636.612)	7.301.470.157
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**-**	**1.460.294.031**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác
Công ty kê khai và nộp theo quy định.

7. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	***1.554.123.846***	***39.991.786.284***
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 – chi phí lãi vay	10.431.479.451	-
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital - chi phí lãi vay	-	262.106.301
Ông Phạm Xuân Hồng - cổ tức phải trả	-	3.977.727.000
Bà Nguyễn Ngọc Điệp - cổ tức phải trả	-	2.757.808.000
Ông Nguyễn Quốc Việt - cổ tức phải trả	-	15.269.529.000
Bà Phạm Viết Lan Anh - cổ tức phải trả	-	151.363.000
Bà Nguyễn Ngọc Thùy Nhân - cổ tức phải trả	-	528.310.000
Bà Nguyễn Ngọc Thùy Vân - cổ tức phải trả	-	592.760.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Phúc - cổ tức phải trả	-	13.944.429.000
Thành viên Hội đồng quản trị - thù lao và thưởng phải trả	899.753.983	2.507.753.983
Cổ tức phải trả các tổ chức và cá nhân khác	***7.810.400***	***38.244.576.400***
Cộng	**11.339.043.834**	**78.236.362.684**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

8. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 (công ty con)[(i)]	260.500.000.000	-
Vay Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital (công ty con)	-	10.620.000.000
Cộng	**260.500.000.000**	**10.620.000.000**

(i) Vay không có tài sản đảm bảo Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 (công ty con) để phục vụ mục đích đầu tư tài chính với lãi suất 8,50%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.620.000.000	-
Số tiền vay phát sinh trong năm	482.400.000.000	153.510.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(232.520.000.000)	(142.890.000.000)
Số cuối năm	**260.500.000.000**	**10.620.000.000**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

9. Vốn chủ sở hữu

9a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	754.647.000.000	182.767.031.117	937.414.031.117
Lợi nhuận trong năm trước	-	27.818.160.798	27.818.160.798
Thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát		(1.490.438.417)	(1.490.438.417)
Chia cổ tức trong năm nay		(75.464.700.000)	(75.464.700.000)
Số dư cuối năm trước	**754.647.000.000**	**133.630.053.498**	**888.277.053.498**
Số dư đầu năm nay	754.647.000.000	133.630.053.498	888.277.053.498
Lợi nhuận trong năm nay	-	57.818.240.335	57.818.240.335
Số dư cuối năm nay	**754.647.000.000**	**191.448.293.833**	**946.095.293.833**

9b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Nguyễn Quốc Việt	152.695.290.000	152.695.290.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Phúc	139.444.290.000	139.444.290.000
Ông Phạm Xuân Hồng	39.777.270.000	39.777.270.000
Các cổ đông khác	422.730.150.000	422.730.150.000
Cộng	**754.647.000.000**	**754.647.000.000**

9c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	75.464.700	75.464.700
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	75.464.700	75.464.700
- *Cổ phiếu phổ thông*	*75.464.700*	*75.464.700*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.464.700	75.464.700
- *Cổ phiếu phổ thông*	*75.464.700*	*75.464.700*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu tài chính

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	76.657.798.467	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	954.479.652	45.478.302
Lãi tiền cho vay	-	717.363.013
Lãi chuyển nhượng công ty con	-	73.051.715
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	-	65.997.873.222
Cộng	**77.612.278.119**	**66.833.766.252**

2. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	13.737.701.916	2.469.535.366
Trích lập dự phòng khoản đầu tư vào công ty con	5.220.564.931	34.742.212.062
Cộng	**18.958.266.847**	**37.211.747.428**

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	233.000.000	102.000.000
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	243.935.540	220.275.360
Các chi phí khác	355.835.397	18.288.635
Cộng	**835.770.937**	**343.563.995**

4. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	233.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	243.935.540	105.079.650
Chi phí khác	358.835.397	12.101.000
Cộng	**835.770.937**	**117.180.650**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban quản lý, điều hành và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Phạm Xuân Hồng		
- Chia cổ tức	-	3.977.727.000
- Chi trả cổ tức	3.977.727.000	-
Bà Nguyễn Ngọc Điệp		
- Chi trả cổ tức	-	2.757.808.000
- Chi trả cổ tức	2.757.808.000	-
Ông Nguyễn Quốc Việt		
- Chia cổ tức	-	15.269.529.000
- Chi trả cổ tức	15.269.529.000	-
Thành viên Ban kiểm soát		
Bà Phạm Viết Lan Anh		
- Chi trả cổ tức	-	151.363.000
- Chi trả cổ tức	151.363.000	-
Các cá nhân có quan hệ mật thiết với các thành viên quản lý chủ chốt		
Bà Nguyễn Ngọc Thùy Nhân		
- Chia cổ tức	-	528.310.000
- Chi trả cổ tức	528.310.000	-
Bà Nguyễn Ngọc Thùy Vân		
- Chia cổ tức	-	592.760.000
- Chi trả cổ tức	592.760.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.7.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị	***1.272.000.000***	**-**
Ông Nguyễn Khánh Linh	240.000.000	-
Ông Nguyễn Quốc Việt	240.000.000	-
Ông Phạm Xuân Hồng *(đã miễn nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2026)*	269.666.667	-
Bà Nguyễn Ngọc Điệp *(đã miễn nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2026)*	282.333.333	-
Ông Nguyễn Đăng Khoa *(đã miễn nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2026)*	240.000.000	-
Ban kiểm soát	***264.000.000***	**-**
Bà Phạm Viết Lan Anh	120.000.000	-
Ông Lê Ngọc Hùng	72.000.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Giang	72.000.000	-
Cộng	**1.536.000.000**	**-**

1b. Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	Công ty con
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean	Công ty con của Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	Công ty con của Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	Công ty con của Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton	Công ty con của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết
Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công	Công ty con của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
Quỹ Đầu tư Thành Công	Công ty con của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Phúc	Cổ đông sở hữu 18,48% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (GDI)	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Luật Hợp danh Anh Quân	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty là thành viên Ban điều hành của Công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân	Thành viên Ban kiểm soát Công ty là thành viên Hội đồng quản trị công ty này

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.4, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công		
Phí mua cổ phiếu	137.507.347	167.358.074
Trả tiền phí mua cổ phiếu	137.507.347	167.358.074
Phí lưu ký chứng khoán	4.658.696	219.792
Trả tiền phí lưu ký chứng khoán	4.658.696	219.792
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	282.020	68.676
Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	282.020	68.676
Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công		
Phí mua chứng khoán kinh doanh	-	179.088
Trả tiền phí mua chứng khoán kinh doanh	-	179.088
Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Phúc		
Chia cổ tức	-	13.944.429.000
Chi trả cổ tức	13.944.429.000	-

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh số V.7 và V.8.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 0101/2026/NQ-HĐQT về việc chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHDCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2025 với tỷ lệ là 5%/cổ phiếu (1 cổ phiếu nhận 500 VND).

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Phạm Thị Chang	**Nguyễn Hoàng Tân**	**Nguyễn Quốc Việt**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**